

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09 – MORITOKO COLOSTRUM MAMA /2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Mã số doanh nghiệp: 0108117821

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung MORITOKO COLOSTRUM MAMA (Dành cho phụ nữ có thai và đang cho con bú)

2. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Sữa bột béo tan nhanh, Đạm whey cô đặc, Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin), Chất xơ hòa tan (FOS), Omega 55, Sữa non, Taurine, Lysine, Bột yến sào, Bột óc chó. Các vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin B3). Khoáng chất (Axit Folic, Biotin, Canxi, Photpho, Magie, Sắt, Kẽm, Natri, Kali, Clorid, I-ốt). Hương sữa và hương vani tổng hợp được sử dụng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.

- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.



5.2. Chất liệu bao bì

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Bộ y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Thông tư 43/2014/TT-BYT của Bộ y tế Quy định về quản lý thực phẩm chức năng;
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: 09 – MORIKOTO COLOSTRUM MAMA /2023-TCSX

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Hung Yên, ngày 17 tháng 05 năm 2023
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tiêu



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MEDILIFE
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Số: 09 – MORITOKO COLOSTRUM MAMA/2023-TCSX

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung MORITOKO COLOSTRUM MAMA (Dành cho phụ nữ có thai và đang cho con bú)

1. Tên, địa chỉ cơ sở công bố sản phẩm:

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, Tp.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

3. Chỉ tiêu cần quan:

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ
2	Màu sắc	Từ màu trắng sữa đến vàng nhạt đồng đều
3	Mùi vị	Thơm ngon, đặc trưng của sản phẩm

4. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Sữa bột béo tan nhanh, Đạm whey cô đặc, Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin), Chất xơ hòa tan (FOS), Omega 55, Sữa non, Taurine, Lysine, Bột yến sào, Bột óc chó. Các vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin B3). Khoáng chất (Axit Folic, Biotin, Canxi, Photpho, Magie, Sắt, Kẽm, Natri, Kali, Clorid, I-ốt). Hương sữa và hương vani tổng hợp được sử dụng trong thực phẩm.

5. Chỉ tiêu chất lượng:



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal	390.2
Chất đạm	g	9.6
NL từ Chất đạm	Kcal	38.4
Hydrat cacbon	g	56
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal	224
Chất béo	g	14.2
Năng lượng từ chất béo	Kcal	127.8
Chất xơ hòa tan (FOS)	g	1.1
Omega 55	mg	31
Sữa non	mcg	29000
Taurine	mg	27
Lysine	mg	500
Bột yến sào	mcg	50
Bột óc chó	mcg	20
Vitamin A	IU	990
Vitamin D3	IU	180
Vitamin E	IU	20
Vitamin C	mg	26
Vitamin B1	mcg	220
Vitamin B2	mcg	330
Vitamin B5	mcg	1450
Vitamin B6	mcg	330
Vitamin B12	mcg	0,8
Vitamin B3	mg	4.5
Axit Folic	mcg	130

1126
 CÔNG
 CỔ P
 TẬP
 IEE
 /18/
 /18/
 1176
 NG T
 PH
 ĐỨC
 HỌC
 ORGA
 T. Y

Biotin	mcg	13
Canxi	mg	300
Photpho	mg	290
Magie	mg	48
Sắt	mg	1.2
Kẽm	mg	1
Natri	mg	180
Kali	mg	390
Clorid	mg	220
I-ốt	mcg	82

Hàm lượng thực tế tối thiểu đạt 80% so với giá trị được công bố.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

6. Chỉ tiêu an toàn:

6.1. Giới hạn về độc tố vi nấm.

Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

6.2. Giới hạn về kim loại nặng.

Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

6.3. Giới hạn về vi sinh vật.

Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

6.4. Giới hạn về phụ gia thực phẩm.

Theo Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6.5. Giới hạn về Melamin.

43/
B.T
H.A
Đ.Đ
H.H
N.N
B.T

Y/
N
JNG
NIC
LNG

Theo Quyết định 38/2008/QĐ-BYT ngày 11/12/2008 của Bộ Y tế Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

6.6. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Theo Thông tư 24/2013/TT-BYT của Bộ Y tế Ban hành quy định mức gián hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

7. Đối tượng sử dụng: Dành cho phụ nữ có thai và đang cho con bú

8. Hướng dẫn sử dụng: Một muỗng gạt ngang (tương đương 9,8g) pha với 40ml nước:

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
4	160	4

Thận trọng: Pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

9. Thời hạn sử dụng:

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất, NSX và HSD xem ở đáy lon.

10. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

10.1. Quy cách đóng gói:

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon. Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.

- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

10.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

11. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản sản phẩm ở nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh. Đậy kín sau mỗi lần sử dụng.

12. Lưu ý sử dụng:

- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Nên sử dụng sản phẩm trước khi hết hạn sử dụng và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở nắp lon.

Hưng Yên, ngày 13 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÔNG



BỘ SẢN PHẨM

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiêu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN



XUẤT

(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM GIẢM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiêu



BN: 230522-012/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2305442-01

(Thay thế 2305442 hết hiệu lực)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: **Thực phẩm bổ sung MORITOKO COLOSTRUM MAMA**
(Dành cho phụ nữ mang thai và cho con bú)

Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ / Address : **Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu / Matrix : **Thực phẩm bổ sung MORITOKO COLOSTRUM MAMA**
(Dành cho phụ nữ mang thai và cho con bú)

Số lượng mẫu / Number of sample: **01**

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **22/05/2023**

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: **31/05/2023**

Mã số mẫu	Chi tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2305442 - 01	Arsen(As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B ₁	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018



BN: 230522-012/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2305442-01

(Thay thế 2305442 hết hiệu lực)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2305442 - 01	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> spp. ^(*) (b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	<i>Cronobacter sakazakii</i>	KPH	-	/25g	TCVN 7850:2018
	<i>Enterobacteriaceae</i> ^(*) (b)	< 10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017
	<i>Staphylococci</i> dương tính <i>coagulase</i> ^(*) (b)	< 10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal Enterotoxin</i>)	KPH	-	/25g	TCVN 9582: 2013

Ghi chú/Note :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên /The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director
- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection. KPH : Không phát hiện / Not detected
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy /According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Officer in charge of laboratory

(Handwritten signature)

ThS. Nguyễn Thanh Tân

BM15.05a/BH01/1.2016

Giám Đốc
Director
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
TS. Phạm Kim Phương



Tên chất	Đơn vị	Thành phần	Đơn vị	Thành phần
Protein	g	10.0	g	10.0
Chất béo	g	3.8	g	3.8
Carbohydrate	g	24.0	g	24.0
Calo	kcal	127.8	kcal	127.8
Cholesterol	mg	0	mg	0
Sodium	mg	20	mg	20
Potassium	mg	20	mg	20
Calcium	mg	20	mg	20
Iron	mg	0.2	mg	0.2
Zinc	mg	0.2	mg	0.2
Copper	mg	0.02	mg	0.02
Manganese	mg	0.02	mg	0.02
Selenium	mg	0.02	mg	0.02
Phosphorus	mg	20	mg	20
Magnesium	mg	20	mg	20
Vitamin A	IU	1000	IU	1000
Vitamin B1	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin B2	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin B3	mg	1.0	mg	1.0
Vitamin B5	mg	1.0	mg	1.0
Vitamin B6	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin B7	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin B9	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin C	mg	20	mg	20
Vitamin E	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin K	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin D	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin H	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin I	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin J	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin L	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin M	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin N	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin O	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin P	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin Q	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin R	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin S	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin T	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin U	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin V	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin W	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin X	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin Y	mg	0.2	mg	0.2
Vitamin Z	mg	0.2	mg	0.2

Thành phần dinh dưỡng của sữa bột Moritboko Colostrum

Moritboko

COLOSTRUM

TỐT CHO MẸ, KHỎE CHO CON

ADP FOLIC và B9 khác, là
B12, B1, B2, B5, B6, B7, B9, B12

CRISTALINE giúp cải thiện vị sữa
B1, B2, B5, B6, B7, B9, B12

SỮA MẸM TĂNG CƯỜNG SỨC ĐỀ
KHÁNG CHO MẸ VÀ BÉ BÀ
B1, B2, B5, B6, B7, B9, B12

MAMA
Được cho bé mẹ khỏe thì bé
mới khỏe con bé

ADP FOLIC

CRISTALINE

SỮA MẸM

Thành phần: Sữa bột béo tan nhanh, Dạng whey cô đặc, Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin), Chất xơ hòa tan (FOS), Omega 55, Sôa non, Taurine, Lysine, Biotin, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin B9, Khoáng chất (Asat Folic, Biotin, Canol, Phospho, Magie, Sắt, Kẽm, Natri, Kali, Chlorid, I-đi), Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

- Được tăng cường các thành phần dinh dưỡng:**
1. Biotin: Tăng cường sự phát triển của da và móng tay.
 2. Vitamin B12: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
 3. Vitamin B9: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
 4. Vitamin B5: Hỗ trợ chuyển hóa năng lượng và duy trì sức khỏe da.
 5. Vitamin B6: Hỗ trợ sản xuất hemoglobin và duy trì sức khỏe thần kinh.
 6. Vitamin K: Hỗ trợ quá trình đông máu và duy trì sức khỏe xương.
 7. Vitamin E: Hỗ trợ duy trì độ đàn hồi của da và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
 8. Vitamin A: Hỗ trợ duy trì sức khỏe thị giác và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
 9. Vitamin D3: Hỗ trợ duy trì sức khỏe xương và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
 10. Vitamin C: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ miễn dịch và duy trì sức khỏe da.
 11. Vitamin B1: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
 12. Vitamin B2: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
 13. Vitamin B5: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
 14. Vitamin B6: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
 15. Vitamin B9: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
 16. Vitamin B12: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.

Được tăng cường các thành phần dinh dưỡng:

1. Biotin: Tăng cường sự phát triển của da và móng tay.
2. Vitamin B12: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
3. Vitamin B9: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
4. Vitamin B5: Hỗ trợ chuyển hóa năng lượng và duy trì sức khỏe da.
5. Vitamin B6: Hỗ trợ sản xuất hemoglobin và duy trì sức khỏe thần kinh.
6. Vitamin K: Hỗ trợ quá trình đông máu và duy trì sức khỏe xương.
7. Vitamin E: Hỗ trợ duy trì độ đàn hồi của da và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
8. Vitamin A: Hỗ trợ duy trì sức khỏe thị giác và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
9. Vitamin D3: Hỗ trợ duy trì sức khỏe xương và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
10. Vitamin C: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ miễn dịch và duy trì sức khỏe da.
11. Vitamin B1: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
12. Vitamin B2: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
13. Vitamin B5: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
14. Vitamin B6: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
15. Vitamin B9: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
16. Vitamin B12: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.

Được tăng cường các thành phần dinh dưỡng:

1. Biotin: Tăng cường sự phát triển của da và móng tay.
2. Vitamin B12: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
3. Vitamin B9: Hỗ trợ sản xuất hồng cầu và duy trì sức khỏe thần kinh.
4. Vitamin B5: Hỗ trợ chuyển hóa năng lượng và duy trì sức khỏe da.
5. Vitamin B6: Hỗ trợ sản xuất hemoglobin và duy trì sức khỏe thần kinh.
6. Vitamin K: Hỗ trợ quá trình đông máu và duy trì sức khỏe xương.
7. Vitamin E: Hỗ trợ duy trì độ đàn hồi của da và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
8. Vitamin A: Hỗ trợ duy trì sức khỏe thị giác và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
9. Vitamin D3: Hỗ trợ duy trì sức khỏe xương và duy trì sức khỏe hệ miễn dịch.
10. Vitamin C: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ miễn dịch và duy trì sức khỏe da.
11. Vitamin B1: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
12. Vitamin B2: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
13. Vitamin B5: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
14. Vitamin B6: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
15. Vitamin B9: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.
16. Vitamin B12: Hỗ trợ duy trì sức khỏe hệ thần kinh và duy trì sức khỏe da.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC
 Địa chỉ: 30 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
 Hotline: 0903 278 288 | 0903 278 287
 Email: info@moritboko.com.vn